

CHÍNH PHỦ
Số: 13-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 27 tháng 1 năm 1995

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Về thành lập tổng công ty than

Việt Nam và ban hành điều lệ của Tổng công ty

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ kết luận tại cuộc họp Chính phủ ngày 06 tháng 01 năm 1994;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Năng lượng trong việc thực hiện Quyết định số 91/TTg ngày 07 tháng 3 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm thành lập tập đoàn kinh doanh,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổng công ty Than Việt Nam theo nội dung tại Quyết định số 563/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Ban hành kèm theo Nghị định này bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Than Việt Nam.

Điều 3. Bộ trưởng các Bộ Năng lượng, Tài chính, Ban Tổ chức Cán bộ Chính phủ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan Thuộc chính phủ có liên quan căn cứ Điều lệ này để hướng dẫn thực hiện.

Điều 4. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản lý và Tổng giám đốc Tổng công ty Than Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY THAN VIỆT NAM

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tổng Công ty Than Việt Nam (sau đây gọi tắt là Tổng Công ty) là doanh nghiệp lớn của Nhà nước gồm nhiều doanh nghiệp thành viên và đơn vị sự nghiệp hoạt động trong phạm vi cả nước.

Tổng Công ty Than Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức thăm dò, khai thác và chế biến than, tổ chức mạng lưới tiêu thụ than trên thị trường nội địa và xuất khẩu than, bảo đảm nhu cầu than cho yêu cầu xây dựng đất nước theo định hướng chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Nhà nước, theo nhiệm vụ của Thủ tướng Chính phủ giao cho Tổng công ty trong từng thời kỳ. Tận dụng các năng lực hiện có, Tổng công ty Than Việt Nam thực hiện kinh doanh đa ngành trên cơ sở phát triển công nghiệp than trong những ngành nghề được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trụ sở chính của Tổng công ty đặt tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Tổng công ty Than Việt Nam có tên viết tắt là: Than Việt Nam (TVN).

Tên giao dịch quốc tế là Vietnam National Coal Coporation, viết tắt là Vinacoal.

Điều 2. Tổng công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu, được mở tài khoản tại Ngân hàng trong nước và nước ngoài, được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này. Tổng công ty thực hiện chế độ hoạch toán kinh tế tổng hợp, được lập các quỹ tập trung theo quy định của Nhà nước. Các doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập, hạch toán phụ thuộc và đơn vị sự nghiệp đều có tư cách pháp nhân, hoạt động theo luật pháp và theo Điều lệ Tổng công ty.

Điều 3. Tổng công ty được Nhà nước giao nguồn tài nguyên khoáng sản, đất đai để quản lý, khai thác và sử dụng vào việc thực hiện nhiệm vụ nói tại Điều 1 trên đây. Tổng công ty có trách nhiệm quy hoạch, phân vùng quản lý địa giới, quản lý và khai thác tài nguyên, bảo vệ và sử dụng đất đai, quản lý mỏ và bảo vệ môi trường đúng mục đích và luật pháp, thực hiện nghĩa vụ và quyền hạn tại các vùng được Nhà nước cấp phép quản lý, bảo vệ và khai thác.

Điều 4. Tổng công ty được Nhà nước giao vốn và tài sản, được huy động mọi nguồn vốn trong và ngoài nước dưới các hình thức khác nhau theo quy định của Nhà nước để thực hiện

nhiệm vụ của mình. Tổng công ty có trách nhiệm bảo toàn vốn được giao, không ngừng tích lũy vốn để đầu tư phát triển, làm tròn nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Tổng công ty phải thường xuyên cải tiến thiết bị, công nghệ và công tác quản lý để hạ giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Điều 5. Tổng công ty được quyền tuyển chọn và sử dụng nguồn nhân lực tương ứng với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của người lao động trong sản xuất kinh doanh và quản lý doanh nghiệp, tăng năng xuất lao động và hiệu suất công tác, chăm lo đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực của Tổng công ty, cải thiện điều kiện sống và điều kiện làm việc của người lao động.

Điều 6. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty gồm:

1. Hội đồng quản lý. Giúp việc Hội đồng quản lý có Ban Kiểm soát và Văn phòng
2. Tổng giám đốc. Giúp việc Tổng giám đốc có một số phó tổng giám đốc, Văn phòng và các Ban chức năng.
3. Các đơn vị thành viên Tổng công ty .

CHƯƠNG II

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 7. Hội đồng quản lý là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất trong Tổng công ty. Hội đồng quản lý được Nhà nước uỷ quyền thực hiện chức năng của đại diện chủ sở hữu Nhà nước đối với toàn bộ Tổng công ty theo pháp luật và theo Điều lệ này, chịu trách nhiệm trước Nhà nước và Thủ tướng Chính phủ.

Các thành viên Hội đồng quản lý do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Năng lượng. Trước khi đề nghị, Bộ Năng lượng phải có văn bản thoả thuận của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức Cán bộ Chính phủ.

Điều 8. Hội đồng quản lý Tổng công ty gồm 5 thành viên chuyên trách:

Chủ tịch,

Một Phó chủ tịch,

Tổng Giám đốc,

Hai thành viên là chuyên gia về pháp luật, kỹ thuật, kinh tế.

Điều 9. Hội đồng quản lý có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Cùng với Tổng Giám đốc ký nhận trước Nhà nước nguồn tài nguyên khoáng sản, đất đai, nguồn vốn (kể cả nợ) thuộc sở hữu Nhà nước, bao gồm cả tài sản cố định, và nguồn nhân lực để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ Nhà nước giao cho Tổng công ty;
2. Xem xét, phê duyệt phương án giao vốn và nợ, bảo toàn và phát triển vốn, phương án điều hoà, huy động vốn do Tổng giám đốc đề nghị; chứng kiến việc Tổng giám đốc phân giao lại các nguồn lực nêu ở khoản 9.1 cho các đơn vị thành viên sử dụng, bảo toàn và phát triển theo mục tiêu của phương án được Hội đồng quản lý phê duyệt;
3. Giám sát, kiểm tra Tổng giám đốc và các đơn vị thành viên thực hiện việc sử dụng, bảo toàn và phát triển các nguồn lực Nhà nước giao, thực hiện các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản lý, luật pháp và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước;
4. Thông qua đề nghị của Tổng giám đốc để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, kế hoạch 5 năm của Tổng công ty; thông qua quy hoạch phân vùng quản lý, bảo vệ và khai thác tài nguyên cho các đơn vị thành viên; quyết định kế hoạch hàng năm của Tổng công ty để Tổng giám đốc giao cho các đơn vị thành viên;
5. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc nếu được Thủ tướng uỷ quyền thì quyết định các dự án liên doanh với nước ngoài theo quy định của Chính phủ; quyết định các dự án liên doanh trong nước, các hợp đồng kinh tế có giá trị lớn. Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư các dự án nhóm A; trình Bộ trưởng quản lý ngành quyết định đầu tư các dự án nhóm B; quyết định các dự án nhóm C. Uỷ quyền cho Tổng giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp thành viên duyệt các dự án đầu tư nhỏ. Phê duyệt đề án tổ chức sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý của các đơn vị thành viên. Phối hợp với chính quyền, đoàn thể các địa phương trong việc bảo vệ tài sản;
6. Ban hành và giám sát thực hiện các định mức, tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật, kể cả đơn giá tiền lương, đơn giá và định mức trong xây dựng chuyên ngành, tiêu chuẩn sản phẩm, nhãn hiệu hàng hoá, giá bán sản phẩm và dịch vụ áp dụng trong Tổng công ty, giá bán buôn và khung giá bán lẻ than và giá vật liệu nổ theo đề nghị của Tổng giám đốc trên cơ sở những quy định chung của ngành và quốc gia. Điều chỉnh mức thuế tài nguyên phải nộp giữa các đơn vị thành viên trên cơ sở bảo đảm nộp đủ tổng số thuế tài nguyên phải nộp trong Tổng công ty;

7. Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và sửa đổi bổ sung Điều lệ Tổng công ty; phê chuẩn Điều lệ tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và sửa đổi bổ sung Điều lệ đơn vị thành viên theo đề nghị của Tổng giám đốc. Chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện đề án tổ chức sản xuất, sắp xếp lại các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc nhằm thực hiện Quyết định 381/TTg ngày 27 tháng 7 năm 1994 và Chỉ thị 382. TTg ngày 28 tháng 7 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ. Đề nghị việc thành lập, tách nhập, giải thể các đơn vị thành viên trong Tổng công ty theo quy định của Chính phủ; quyết định mở Văn phòng đại diện, Chi nhánh của Tổng công ty ở trong và ngoài nước theo quy định của Chính phủ.

Quyết định tổng biên chế bộ máy quản lý của Tổng công ty và điều chỉnh khi cần thiết theo đề nghị của Tổng giám đốc.

Trình Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Tổng giám đốc; trình Bộ trưởng Bộ Năng lượng bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các Phó tổng giám đốc theo đề nghị của Tổng giám đốc; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc các đơn vị thành viên theo đề nghị của Tổng giám đốc;

8. Phê duyệt đề nghị của Tổng giám đốc về việc thành lập và sử dụng các quỹ tập trung phù hợp với kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính của Tổng công ty theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

9. Thông qua bản báo cáo tài chính tổng hợp (trong đó có phần tổng kết tài sản) hàng năm của Tổng công ty và của các đơn vị thành viên do Tổng giám đốc trình và yêu cầu Tổng giám đốc công bố bản báo cáo tài chính của toàn Tổng công ty theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 10. Hội đồng quản lý chịu trách nhiệm tập thể và cá nhân trước Thủ tướng Chính phủ và trước pháp luật về thực hiện các nhiệm vụ được giao. Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý không hoàn thành nhiệm vụ được giao, quyết định sai hoặc vượt thẩm quyền gây phương hại lợi ích quốc gia, gây thiệt hại về vốn, tài sản, tài nguyên Nhà nước, tài sản của nhân dân, ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Tổng công ty, vi phạm các quy định khác của Nhà nước thì tùy theo mức độ nặng hay nhẹ mà xử lý hành chính, bồi thường thiệt hại hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý: